

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-CDYT ngày tháng năm 2026  
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị)

<b>Ngành, nghề:</b>	Hộ sinh
<b>Mã ngành, nghề:</b>	6720303
<b>Trình độ đào tạo:</b>	Cao đẳng
<b>Đối tượng tuyển sinh:</b>	Tốt nghiệp trung học phổ thông
<b>Thời gian khoá học:</b>	03 năm

### 1. Giới thiệu chương trình:

Ngành Hộ sinh giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong hệ thống chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt là trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản, bà mẹ và trẻ em. Người hộ sinh không chỉ hỗ trợ quá trình mang thai, sinh nở và chăm sóc sau sinh, mà còn tham gia vào công tác tuyên truyền, giáo dục sức khỏe, kế hoạch hóa gia đình và nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng.

Chương trình đào tạo Cao đẳng Hộ sinh được xây dựng trên cơ sở chuẩn năng lực hành nghề hộ sinh của Bộ Y tế, phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và đáp ứng nhu cầu thực tiễn của xã hội trong giai đoạn hiện nay. Mục tiêu của chương trình là đào tạo người Hộ sinh có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, kiến thức khoa học cơ bản và chuyên ngành vững vàng, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em và cộng đồng, có khả năng học tập suốt đời và thích ứng với sự phát triển của y học hiện đại.

Chương trình được thiết kế với sự kết hợp hài hòa giữa lý thuyết, thực hành lâm sàng và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, giúp người học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc hiệu quả tại các cơ sở y tế tuyến cơ sở đến tuyến trung ương, đồng thời có khả năng tự học, nghiên cứu và tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

Chương trình đào tạo Cao đẳng ngành Hộ sinh quy định cụ thể về nội dung và khối lượng kiến thức, kỹ năng; tỷ lệ giữa lý thuyết - thực hành; gồm

102 tín chỉ, được thực hiện trong 3 năm và chia làm 6 học kỳ chính. Chương trình bao gồm các môn học/mô đun chung, cơ sở, chuyên ngành, nâng cao. Chương trình được cấu trúc thành một hệ thống hoàn chỉnh và phân bố hợp lý về thời gian, phù hợp về tổ chức đào tạo đặc thù ngành Hộ sinh, cụ thể theo tiến trình đào tạo: Lý thuyết - Thực hành - Thực tập - Thực tế tốt nghiệp. Đáp ứng chuẩn đầu ra tiếp cận và đảm nhiệm được ngay các vị trí việc làm cụ thể về chăm sóc sức khỏe được giao.

## **2. Mục tiêu đào tạo:**

### **1.1. Mục tiêu chung:**

Đào tạo người Hộ sinh trình độ cao đẳng có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có kiến thức khoa học cơ bản và chuyên ngành vững vàng, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo; có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo trong phạm vi chuyên môn được phân công; có khả năng tư duy phản biện, giao tiếp, hợp tác tốt và thích ứng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe sinh sản, bà mẹ và trẻ em.

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể làm việc tại các cơ sở y tế công lập và ngoài công lập từ tuyến xã, tỉnh đến trung ương hoặc tự phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

### **1.2. Mục tiêu cụ thể:**

#### **1.2.1. Về kiến thức:**

- Trình bày được các quy định của pháp luật trong công tác chăm sóc người bệnh, quy định về Luật khám chữa bệnh để hành nghề theo quy định của pháp luật và phù hợp với chức trách, nhiệm vụ, năng lực chuyên môn trong phạm vi quy định của nghề nghiệp;

- Xác định được vai trò, phạm vi thực hành nghề nghiệp của người Hộ sinh trong công tác chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ, bà mẹ và trẻ sơ sinh;

- Giải thích được nguyên nhân, triệu chứng, hướng điều trị người bệnh để lập kế hoạch chăm sóc người bệnh;

- Trình bày được kiến thức trong lĩnh vực sản phụ khoa, sơ sinh, xã hội, y tế công cộng và đạo đức nghề nghiệp làm nền tảng để chăm sóc thích hợp cho bà mẹ, trẻ sơ sinh và gia đình của họ phù hợp với các yếu tố văn hóa của cộng đồng;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

#### **1.2.2. Về kỹ năng**

- Giao tiếp, phối hợp có hiệu quả với bác sĩ, đồng nghiệp, khách hàng trong học tập và công tác chăm sóc người bệnh. Thực hiện được công tác tư vấn,

truyền thông, giáo dục sức khỏe về chăm sóc sức khỏe sinh sản có hiệu quả tại cơ sở y tế và cộng đồng.

- Chăm sóc bà mẹ trước khi mang thai có chất lượng cao, giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa cộng đồng. Hỗ trợ việc kế hoạch hóa gia đình hoặc kết thúc thai nghén theo quy định của luật pháp và hướng dẫn quốc gia về dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản;

- Chăm sóc bà mẹ thời kỳ thai nghén có chất lượng cao để đảm bảo sức khỏe cho bà mẹ tốt nhất; dự phòng và phát hiện sớm tai biến sản khoa để xử trí hoặc chuyển tuyến kịp thời;

- Chăm sóc bà mẹ trong chuyển dạ với chất lượng cao; đỡ đẻ sạch, an toàn; xử trí, cấp cứu đảm bảo sức khỏe tốt nhất cho mẹ và trẻ sơ sinh;

- Chăm sóc toàn diện, chất lượng cao cho bà mẹ sau đẻ và trẻ sơ sinh theo phân cấp chăm sóc;

- Khám và nhận định tình trạng sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh, người sử dụng dịch vụ; xác định vấn đề ưu tiên cần chăm sóc của từng đối tượng;

- Lập được kế hoạch, thực hiện quy trình chăm sóc bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh và người sử dụng dịch vụ;

- Thực hiện sơ cứu, cấp cứu được sản khoa, cấp cứu hồi sức sơ sinh ban đầu; phát hiện những biến chứng thuộc lĩnh vực sản phụ khoa để phối hợp bác sĩ giải quyết tại tuyến y tế cơ sở hoặc chuyển tuyến trên kịp thời, an toàn;

- Quản lý buồng bệnh, quản lý bà mẹ, trẻ sơ sinh, người bệnh và người sử dụng dịch vụ; quản lý thuốc, trang thiết bị, vật tư tiêu hao, hồ sơ bệnh án;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

### ***1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm***

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Tuân thủ đúng các quy định về y đức, quy chế chuyên môn, quy định của pháp luật liên quan tới lĩnh vực hộ sinh và các quy định khác của ngành y tế;

- Phối hợp tốt với đồng nghiệp trong thực hiện công việc và giải quyết được những tình huống trong thực tế;

- Hướng dẫn, giám sát các thành viên trong nhóm thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

### 3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Chăm sóc sức khỏe sinh sản, phụ nữ phá thai và kế hoạch hóa gia đình.
- Chăm sóc bà mẹ trong thời kỳ thai nghén;
- Chăm sóc bà mẹ trong chuyển dạ và sinh đẻ;
- Chăm sóc bà mẹ sau sinh;
- Chăm sóc trẻ sơ sinh sau sinh.

### 4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2.550 giờ/102 tín chỉ.
- Số lượng môn học, mô đun: 40 môn học.
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chung: 435 giờ/19 tín chỉ.
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 2.115 giờ/83 tín chỉ.
- Khối lượng lý thuyết: 786 giờ/52 tín chỉ; thực hành, thực tập: 1.671 giờ/50 tín chỉ.

### 5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề .

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
<b>I</b>	<b>Năng lực cơ bản (năng lực chung)</b>	
1	NLCB-01	Thực hiện các quy định về thực hành nghề và đạo đức nghề
2	NLCB-02	Áp dụng kiến thức về giải phẫu sinh lý
3	NLCB-03	Áp dụng kiến thức dược lý
4	NLCB-04	Sử dụng thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành
5	NLCB-05	Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định
6	NLCB-06	Lập kế hoạch tìm kiếm việc làm
7	NLCB-07	Tổ chức công việc
8	NLCB-08	Vệ sinh và an toàn
<b>II</b>	<b>Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)</b>	

9	NLCL-01	Tiếp đón, hướng dẫn người bệnh đến thăm khám, vào viện, ra viện, chuyển khoa, chuyển viện
10	NLCL-02	Hiểu và vận dụng được kiến thức giải phẫu, sinh lý, bệnh học, dược lý liên quan đến sản – phụ – nhi.
11	NLCL-03	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật hộ sinh cơ bản và nâng cao: theo dõi thai nghén, đỡ đẻ thường, chăm sóc mẹ - trẻ sơ sinh, phòng ngừa tai biến sản khoa.
12	NLCL-04	Phát hiện và xử trí ban đầu các bất thường trong thai kỳ, chuyển dạ và hậu sản.
13	NLCL-05	Thực hiện các hoạt động tư vấn, giáo dục sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình.
14	NLCL-06	Hướng dẫn sản phụ nuôi con bằng sữa mẹ, chăm sóc sau sinh, dinh dưỡng và vệ sinh thai phụ.
15	NLCL-07	Lập kế hoạch, triển khai, giám sát hoạt động chăm sóc bà mẹ - trẻ em tại cơ sở y tế.
16	NLCL-08	Tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh, người nhà người bệnh và cộng đồng
17	NLCL-09	Ghi chép, báo cáo và theo dõi hồ sơ sức khỏe đúng quy định.
18	NLCL-10	Giao tiếp ứng xử đúng mực với người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng.
19	NLCL-11	Tôn trọng quyền và bí mật thông tin của người bệnh.
20	NLCL-12	Quản lý trang thiết bị y tế, vật tư tiêu hao, thuốc, hồ sơ, sổ sách
<b>III</b>	<b>Năng lực nâng cao</b>	
21	NLNC-01	Quản lý hộ sinh
22	NLNC-02	Nghiên cứu khoa học

**6. Nội dung chương trình:**

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ thí nghiệm/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>19</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
MH 1	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH 2	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 3	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH 4	Giáo dục quốc phòng – An ninh	3	75	36	35	4
MH 5	Tin học	3	75	15	58	2
MH 6	Tiếng Anh	4	120	42	72	6
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>83</b>	<b>2.115</b>	<b>629</b>	<b>1.416</b>	<b>70</b>
<b>II.1</b>	<b>Môn học, mô đun cơ sở</b>	<b>26</b>	<b>435</b>	<b>292</b>	<b>132</b>	<b>11</b>
MH 7	Giải phẫu - Sinh lý	4	75	44	30	1
MH 8	Vi sinh - Ký sinh trùng	3	45	32	12	1
MH 9	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	45	36	8	1
MH 10	Dược lý	3	60	29	30	1
MH 11	Tâm lý - Giáo dục sức khỏe	2	30	21	8	1
MH 12	Vệ sinh phòng bệnh	2	30	21	8	1
MH 13	Dinh dưỡng tiết chế	2	30	21	8	1
MH 14	Tổ chức - Quản lý y tế	2	30	29		1
MH 15	Tiếng Anh chuyên ngành	2	30	29		1
MH 16	Kiểm soát nhiễm khuẩn	3	60	30	28	2
<b>II.2</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>54</b>	<b>1.635</b>	<b>305</b>	<b>1.272</b>	<b>58</b>

MH 17	Giải phẫu sinh lý chuyên ngành	2	45	14	30	1
MH 18	Điều dưỡng cơ bản	3	75	15	58	2
MH 19	Thực tập Điều dưỡng cơ bản	2	90		86	4
MH 20	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học	2	45	14	30	1
MH 21	Thực tập Chăm sóc sức khỏe phụ nữ và nam học	2	90		86	4
MH 22	Chăm sóc thai nghén	3	60	29	30	1
MH 23	Thực tập Chăm sóc thai nghén	2	90		86	4
MH 24	Chăm sóc chuyên da và đẻ thường	3	60	30	28	2
MH 25	Chăm sóc chuyên da và đẻ khó	3	60	29	30	1
MH 26	Thực tập Chăm sóc chuyên da đẻ	2	90		86	4
MH 27	Chăm sóc bà mẹ sau đẻ	2	45	14	30	1
MH 28	Thực tập Chăm sóc bà mẹ sau đẻ	2	90		86	4
MH 29	Chăm sóc sơ sinh	2	30	29		1
MH 30	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	30	29		1
MH 31	Thực tập Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2	90		86	4
MH 32	Chăm sóc hộ sinh nâng cao	2	30	29		1
MH 33	Thực tập Chăm sóc hộ sinh nâng cao	2	90		86	4
MH 34	Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng	2	45	14	30	1

MH 35	Dân số - Kế hoạch hóa gia đình	2	45	14	30	1
MH 36	Thực tập Chăm sóc sức khỏe sinh sản cộng đồng và Dân số-Kế hoạch hoá gia đình	2	90		86	4
MH 37	Y học cổ truyền - PHCN	3	60	30	28	2
MH 38	Sơ cấp cứu ban đầu	2	45	15	28	2
MH 39	Thực tập tốt nghiệp	5	240		232	8
<b>II.3</b>	<b>Môn học, mô đun tự chọn</b>	<b>3</b>	<b>45</b>	<b>32</b>	<b>12</b>	<b>1</b>
MH 40.1	Quản lý hộ sinh	3	45	32	12	1
MH 40.2	Nghiên cứu khoa học	3	45	32	12	1
<b>Tổng cộng</b>		<b>102</b>	<b>2.550</b>	<b>786</b>	<b>1.671</b>	<b>93</b>

## 7. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

### 7.1. Hướng dẫn chung:

- Danh mục các môn học, mô đun và khối lượng kiến thức, kỹ năng quy định trong chương trình là quy định mức tối thiểu. Các môn học, mô đun chứa đựng nội dung kiến thức chủ yếu của mỗi chương trình bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

- Mỗi tín chỉ được quy định tối thiểu bằng:

+ 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;

+ 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn.

**+ 45 giờ thực tập tại cơ sở.**

- Một giờ học lý thuyết là 45 phút, một giờ học thực hành (*thí nghiệm, thảo luận*)/tích hợp/thực tập là 60 phút.

### 7.2. Hướng dẫn áp dụng:

#### 7.2.1. Tổ chức đào tạo:

- Các môn học chung: thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (*phần thực hành trên máy tính của môn Tin học đảm bảo mỗi sinh viên mỗi máy*).

- Các môn học có tín chỉ lý thuyết: Được triển khai tại giảng đường cơ sở đào tạo hoặc học trực tuyến, giảng dạy theo giáo án lý thuyết (*các môn học, mô đun có cả phần học lý thuyết, thực hành, thực tập bắt buộc phải học phần lý thuyết trước, đến phần thực hành, đến phần thực tập*).

- Các môn học có tín chỉ thực hành: Chia nhóm sinh viên và triển khai tại các phòng thực hành, phòng khám đa khoa của Trường, giảng dạy theo giáo án thực hành.

- Các môn học thực tập: Tổ chức học tập tại cơ sở thực hành đáp ứng các quy định.

- Môn học Thực tập tốt nghiệp:

+ Tổ chức học tập tại cơ sở thực tập phù hợp với vị trí việc làm của sinh viên sau khi ra trường.

+ Tổ chức học tập sau khi sinh viên hoàn thành **39 môn học**.

+ Nội dung: Sinh viên tiếp cận, tham gia thực hành và nâng cao kỹ năng tay nghề và phối hợp xử lý các tình huống phát sinh trong hoạt động nghề nghiệp.

#### 7.2.2. Thời gian bố trí đào tạo:

- Học tại Trường: Từ 6 giờ 30 đến 22 giờ.

- Học thực tập tại cơ sở Y tế và thực tập tốt nghiệp:

Buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ; buổi chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ 30 (hoặc theo giờ làm việc của cơ sở Y tế đến thực tập);

Bố trí mỗi tuần 6 ngày, từ thứ 2 đến thứ 7.

Thực hiện trực không bắt buộc: Nếu được giao trực thì thực hiện theo giờ trực, nhưng không quá 22 giờ.

#### 7.2.3. Phương pháp đào tạo. Yêu cầu đặt ra về phương pháp đào tạo là:

- Giảm tải trình bày lý thuyết, tăng thực tế, thực tiễn và phương pháp cầm tay chỉ việc, nâng cao kỹ năng tay nghề, đạo đức y học và thích ứng được ngay các nhiệm vụ chuyên môn được giao.

- Tăng cường và khuyến khích phương pháp dạy - học dựa vào bằng chứng, dựa trên vấn đề, dạy - học thực hành mô phỏng, thực tập bệnh viện theo phương thức năng lực thực hiện, tăng cường vai trò của giảng viên hướng dẫn thực hành, thực tập, tạo điều kiện cho sinh viên học thực hành theo quy trình nhằm nâng cao tính chủ động trong thực hành của sinh viên.

- Coi trọng việc phát huy tính tự chủ trong học tập của sinh viên.

- Tăng cường các phương tiện nghe, nhìn, phương pháp dạy học tích cực.

- Đảm bảo tài liệu dạy học và tài liệu tham khảo, điều kiện phương tiện thiết bị dạy - học.

- Nâng cao kỹ năng tay nghề, tiếp cận và xử lý các tình huống lâm sàng thường gặp.

- Thực hiện giám sát, lượng giá, đánh giá, thi kết thúc môn học, mô đun theo đúng quy chế.

#### 7.3. Nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Thể dục, thể thao: Sau giờ nghỉ các buổi chiều hoặc các ngày nghỉ.

- Văn hóa, văn nghệ: Các ngày nghỉ hoặc buổi tối.

- Đọc sách, tài liệu tham khảo: Giờ hành chính, các ngày làm việc trong tuần.

- Các hoạt động đoàn thanh niên, Hội sinh viên: Giao lưu, sinh hoạt,...

- Tham quan, dã ngoại, hành trình về nguồn: Tối thiểu 01 lần/năm.

#### **7.4. Đánh giá môn học, mô đun:**

##### **7.4.1. Kiểm tra (lượng giá quá trình đào tạo):**

\* Các môn học chung: Thực hiện theo hướng dẫn tại các thông tư hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, phần chưa quy định trong các thông tư này thực hiện theo các quy định chung như sau.

\* Số bài kiểm tra quy định cho từng môn học, mô đun theo tín chỉ:

- Bằng hoặc dưới 3 tín chỉ: 01 bài kiểm tra thường xuyên; 01 bài kiểm tra định kỳ.

- 04 tín chỉ: 02 bài kiểm tra thường xuyên, 01 bài kiểm tra định kỳ.

- 05-06 tín chỉ: 02 bài kiểm tra thường xuyên, 02 bài kiểm tra định kỳ.

\* Cách thức đánh giá môn học, mô đun:

- *Kiểm tra thường xuyên:*

+ Thời điểm kiểm tra: Do giảng viên giảng dạy môn học, mô đun thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình triển khai theo từng môn học, mô đun.

+ Hình thức: Do giảng viên thực hiện, nếu kiểm tra viết (*cho môn lý thuyết*) thời gian làm bài tối đa 30 phút.

- *Kiểm tra định kỳ:*

+ Thời điểm kiểm tra:

Số lượng 01 bài: hoàn thành trên 70% thời gian học của môn học, mô đun;

Số lượng 02 bài: Bài một hoàn thành trên 50% và bài hai hoàn thành trên 70% thời gian học của môn học, mô đun.

+ Hình thức: Viết từ 45 đến 60 phút; thực hành 15 phút/sinh viên, vấn đáp 30 phút/ sinh viên.

- Điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

##### **7.4.2. Thi kết thúc môn học, mô đun (lượng giá kết thúc):**

- Điều kiện dự thi kết thúc môn học, mô đun:

+ Người học được dự thi kết thúc môn học, mô đun phải đảm bảo tham dự ít nhất 80% thời gian học tập bao gồm: thời gian học lý thuyết, học tích hợp, thực hành, thực tập và đáp ứng được các yêu cầu khác quy định trong chương trình môn học, mô đun.

+ Có đủ các cột điểm kiểm tra và điểm trung bình chung các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ đạt từ 5,0 trở lên theo thang điểm 10.

- Thời điểm thi: Thi kết thúc môn học, mô đun được thực hiện khi hoàn thành khối lượng chương trình môn học, mô đun theo quy định; Khi đã có kết quả thi kết thúc, hoàn thành tổng kết môn học, mô đun và công bố, lưu trữ theo quy định.

- Số lần: Được tổ chức thực hiện không quá 02 lần.

- Hình thức thi kết thúc môn học, mô đun:

+ Thi viết: từ 60 đến 120 phút.

+ Vấn đáp: 30 phút/sinh viên.

+ Thực hành: 25-30 phút/sinh viên (*tùy theo quy trình thực hiện*).

- + Bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập chuyên đề theo mẫu quy định.
- Điểm bài thi hết môn học, mô đun là trung bình cộng điểm của các giảng viên chấm thi theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân;
- Quy định đánh giá kết thúc môn học, mô đun được quy định cụ thể và chi tiết tại từng chương trình môn học, mô đun và quy định hiện hành về tổ chức kiểm tra/thi được Hiệu trưởng ban hành áp dụng tại Trường Cao đẳng Y tế Quảng Trị.

### **7.5. Điều kiện tốt nghiệp**

- Tích lũy đủ 102 tín chỉ của 40 môn học của chương trình đào tạo ban hành và đủ thời gian đào tạo theo quy định;
  - Kết quả môn học Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh đạt.
  - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,0 trở lên;
  - Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
  - Hoàn thành các yêu cầu bắt buộc khác theo quy định của chương trình.
- Sinh viên nào đầy đủ các điều kiện trên được Quyết định công nhận tốt nghiệp và ký Bằng tốt nghiệp.

### **7.6. Cấp bằng tốt nghiệp.**

Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức trao bằng tốt nghiệp cho người đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp đúng thời gian quy định.